TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU
Số: 01/2020/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vĩnh Lợi, ngày 03 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 292/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh **A**, sinh năm 1984
Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Chị **B**, sinh năm 1980
Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn v à hòa giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh A và chị B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Anh A và chị B thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh A và chị B thống nhất giao cháu Lý Quốc Cường, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2005 và cháu Lý Ngọc Nhi, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2014 cho chị B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

Anh A không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con do chị B không yêu cầu.

2.4. Về tài sản chung: Anh A và chị B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Anh A và chị B không có nên không xem xét, giải quyết.

2.5. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), do hòa giải thành được giảm 50% bằng 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Anh A và chị B mỗi người phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) nhưng anh A tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Anh A đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0005112 ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, đối trừ số tiền án phí phải nộp, anh A được hoàn lại số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND Phường X, TP.L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Ngô Trang Thảo